

Số: 44 /2015/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 25 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2015 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Hội nông dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, KH&ĐT; NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp; KBNN tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
giai đoạn 2015 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14st /2015/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 trên phạm vi toàn tỉnh; trong đó ưu tiên cho các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và đáp ứng các tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định tại Quy định này.

2. Thành viên, sáng lập viên, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập và tham gia hợp tác xã.

3. Cơ quan, cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến phát triển hợp tác xã.

**Chương II
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ**

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

1. Hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng:

a) Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã.

b) Điều kiện, tiêu chí: được hợp tác xã cử đi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ bồi dưỡng của hợp tác xã).

c) Nội dung hỗ trợ: bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã; nghiên cứu thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học xuống làm việc ở hợp tác xã có thời hạn để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý; chi phí đi lại từ trụ sở chính của hợp tác xã đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); chi phí mua tài liệu của khóa học, chi phí tổ chức, quản lý lớp

học (xây dựng giáo trình, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, khảo sát, chi phí ăn, ở).

d) Nguồn kinh phí: ngân sách trung ương hỗ trợ 100%.

e) Mức hỗ trợ: theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Hỗ trợ đào tạo:

a) Đối tượng áp dụng: các chức danh trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong các hợp tác xã.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí mua giáo trình của khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Hỗ trợ 50% học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo;

- Hỗ trợ 100% tiền vé tàu, xe đi và về (bao gồm cả vé đò, vé phà nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ vé máy bay) từ trụ sở hợp tác xã đến cơ sở đào tạo;

- Hỗ trợ một phần chi phí ăn, ở nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Nghị quyết số 150/2010/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

c) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Được hợp tác xã cử đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã;

- Có văn bản đăng ký, đề nghị được hỗ trợ đào tạo của hợp tác xã;

- Đủ điều kiện tuyển sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo;

- Dưới 40 tuổi đối với trường hợp được cử đi đào tạo từ đại học trở lên;

- Cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực hợp tác xã ít nhất bằng 2 lần thời gian tham gia khóa đào tạo;

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ: ngân sách địa phương.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

1. Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí cho các hợp tác xã tham gia hội chợ, triển lãm trong nước.

b) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa, thuê gian hàng tại nơi mở hội chợ, triển lãm.

c) Mức hỗ trợ: tối đa không quá 25 triệu đồng/hợp tác xã.

d) Điều kiện để được hỗ trợ: theo kế hoạch được cơ quan chức năng phê duyệt hàng năm.

2. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí cho hợp tác xã xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

b) Mức hỗ trợ: tối đa không quá 25 triệu đồng/hợp tác xã.

c) Điều kiện để được hỗ trợ: thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của hợp tác xã xây dựng được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoặc chấp nhận đơn hợp lệ.

3. Xây dựng cổng thông tin điện tử:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí để Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng và duy trì tên miền cổng thông tin điện tử cho các hợp tác xã (là nơi để các hợp tác xã giới thiệu sản phẩm, hàng hóa; trao đổi thông tin, kinh nghiệm; thông qua cổng thông tin này là cầu nối giữa hợp tác xã và cơ quan quản lý nhà nước, các hợp tác xã có thể trao đổi, yêu cầu giải đáp thắc mắc và đề đạt trực tiếp nguyện vọng đến các cơ quan quản lý nhà nước).

b) Mức hỗ trợ:

- Xây dựng Website: tối đa không quá 100 triệu đồng;

- Duy trì tên miền: 500.000 đồng/tháng.

c) Điều kiện để được hỗ trợ: phải có đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Điều 5. Hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí cho các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp để ứng dụng công nghệ tiên tiến, giống mới có năng suất chất lượng cao vào sản xuất.

b) Mức hỗ trợ: tối đa không quá 200 triệu đồng/mô hình.

c) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Hợp tác xã có văn bản đề xuất nhiệm vụ và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn và bổ sung năng lực tài chính Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

1. Hỗ trợ lãi suất

a) Các hợp tác xã khi vay vốn để đầu tư phục vụ sản xuất sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

b) Mức hỗ trợ: 100% lãi suất cho năm đầu và 50% lãi suất cho hai năm tiếp theo với mức vay tối đa không quá 300 triệu đồng/hợp tác xã.

c) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, các xã khó khăn trong tỉnh theo quyết định công nhận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

- Có dự án, phương án đầu tư khả thi được ngân hàng thương mại chấp thuận cho vay vốn;

- Có hóa đơn, chứng từ thanh toán lãi suất theo khế ước vay vốn của ngân hàng.

2. Hỗ trợ cho vay vốn:

a) Các hợp tác xã đáp ứng đủ điều kiện sẽ được Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (do Liên minh Hợp tác xã tỉnh làm đầu mối) cho vay vốn để phát triển sản xuất với mức lãi suất cho vay ưu đãi bằng 60% mức cho vay trung hạn cùng thời điểm của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh.

b) Mức vay: không vượt quá mức cho vay quy định của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. Bổ sung năng lực tài chính cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: hàng năm trên cơ sở phương án sử dụng vốn do Liên minh Hợp tác xã tỉnh lập, ngân sách địa phương sẽ cân đối và bổ sung 01 (một) tỷ đồng vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh (trong thời gian 5 năm tính từ năm 2015).

Điều 7. Chính sách hỗ trợ thành lập mới và tổ chức lại hợp tác xã

a) Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí thành lập mới hợp tác xã; hỗ trợ 50% kinh phí (như đối với thành lập mới hợp tác xã) cho các hợp tác xã thuộc diện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hợp tác xã.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập hợp tác xã hoặc tham gia hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã).

- Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2013 tổ chức lại hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã).

c) Nội dung hỗ trợ:

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã cho sáng lập viên hợp tác xã;

- Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã;

- Tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

d) Mức hỗ trợ:

- Thành lập mới hợp tác xã: 10 triệu đồng/hợp tác xã;

- Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hợp tác xã: 05 triệu đồng/hợp tác xã.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai thực hiện

1. Hàng năm Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổng hợp nhu cầu và lập danh sách đối tượng, danh mục hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này.
3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt



DỰ TOÁN KINH PHÍ
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020
(Kèm theo quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kết quả dự kiến	Mức chi	Số lượng	Tỷ lệ hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
I	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực thành viên HTX					2.416	
1	Đào tạo chính quy hệ 3 năm	50 cán bộ, thành viên HTX được đào tạo dài hạn, được cấp bằng của cơ sở đào tạo chính quy				940	Cơ chế áp dụng: Theo Điều 24, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
1.1	Chi phí ăn ở		6 trđ/năm	150	50%	450	Hỗ trợ một phần, có tính đến giá sinh hoạt theo vùng, miền; trung bình khoảng 600.000 đồng/tháng. 50 học viên X 3 năm (cho các loại hình đào tạo chính quy: trung cấp, cao đẳng, đại học sau đại học)
1.2	Học phí		6 trđ/năm	150	50%	450	50 học viên X 3 năm (cho các loại hình đào tạo chính quy: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học sau đại học)
1.3	Giáo trình học tập		0,5trđ/năm	50	100%	25	Hỗ trợ một lần cho cả khóa học. Định mức từ 500.000/năm tính bình quân trong 3 năm. Theo chứng từ thu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.
1.4	Chi phí đi lại (lượt đi và về)		0,3	50	100%	15	Theo chứng từ thực tế của đơn vị vận chuyển
2	Bồi dưỡng	2.400 cán bộ, thành viên HTX được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng				1.476	Nguồn Trung ương hỗ trợ 100%. Mức chi dự kiến theo quy định tại Nghị quyết số 150/2010/NQ-HĐND. Mức chi thực tế theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính
2.1	Chi phí tổ chức lớp học (thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan khảo sát)		20	30	100%	600	Cơ chế áp dụng: Theo Điều 24, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. Thông tư số 139/2010/TT-BTC, Thông tư số 97/2010/TT-BTC. Mỗi lớp 40 học viên, 30 lớp/6 năm; bình quân 1 lớp 05 ngày; hỗ trợ bình quân 20 triệu đồng/khóa.
2.2	Hỗ trợ chi phí đi lại		0,03	1.200	100%	36	Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá quy định tại Nghị quyết số 100/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
2.3	Chi phí ăn, ở cho học viên		0,6trđ/người	2.400	50%	720	Chỉ áp dụng đối với các đối tượng thuộc diện cử đi học của HTX nông nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá quy định tại Nghị quyết số 100/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014; và Nghị quyết số 150/2010/NQ-HĐND ngày 20/9/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng
2.4	Tài liệu học tập, tham khảo		0,05	2.400	100%	120	Theo chứng từ thu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng
II	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường					430	
1	Tham gia hội chợ, triển lãm dành riêng cho HTX	01 hội chợ/năm trong 6 năm	50	6	50%	150	Mỗi năm tham gia 01 Hội chợ, hỗ trợ theo chứng từ chi thực tế, tối đa không quá 25 triệu đồng/01 Hội chợ.
2	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu hàng hóa	6 thương hiệu	50	6	50%	150	Cơ chế áp dụng: Theo Điều 24, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
3	Xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử	01 cổng thông tin điện tử				130	Cơ chế áp dụng: Theo Điều 24, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
3.1	Thiết kế, xây dựng Website tại Liên minh HTX tỉnh và tên miền		100	1	100%	100	Chi theo thực tế, có Hợp đồng, hóa đơn tài chính
3.2	Duy trì tên miền		0,5	60	100%	30	Phí thuê tên miền: dự kiến 500 ngàn đồng/tháng
III	Ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới					2.000	
1	Hỗ trợ lương thuê cán bộ làm công tác chuyên môn, kỹ thuật	50 cán bộ có trình độ đại học trở lên được hỗ trợ lương để làm việc cho HTX	5	60			Lương theo hợp đồng lao động, hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/tháng (hỗ trợ 1 năm)
1	Hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	10 mô hình	400	10	50%	2.000	Mức chi trung bình thực tế phát sinh tại tỉnh Lâm Đồng
V	Chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn và bổ sung năng lực cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã					8.025	